TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 04 - 7 - 2022
V/v: "Tranh chấp nợ phường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay

Bà Vũ Thị Luyến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp nợ phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lường Văn H – sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Khu phố H, phường Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Trần Trí T – sinh năm: 1958 và bà Ngô Thị H – sinh năm: 1958

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M – sinh năm: 1968

Địa chỉ: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Ông Trần Trí H, bà Viên Thị H, bà Phan Thị T

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt ông H và bà M; vắng mặt ông T bài H và những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021 cũng như quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lường Văn H trình bày:*

Do có quan hệ hàng xóm giữa vợ chồng ông H với vợ chồng ông T bài H. Năm 2019 vợ chồng Thành Hoa có đứng ra làm chủ phường và vợ chồng ông H có tham gia 02 chân phường, một chân là 5.000.000 đồng/tháng và một chân là 3.000.000 đồng/tháng. Mỗi lần đóng tiền vợ chồng ông H đều giao cho vợ chồng ông T bài H, hôm nào ông T bài H đi vắng không có nhà thì con trai và con dâu đều đứng ra nhận giúp, những lần như vậy đều có ghi chép và ký sổ. Khi kết thúc phường ông T bài H không thanh toán tiền phường đã đóng cho vợ chồng ông H, vợ chồng ông H đề nghị nhiều lần thì ông T bài H mới chốt lại khoản tiền phường đã đóng là 124.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ vợ chồng ông T bài H đã trả cho vợ chồng ông H nhiều lần với tổng số tiền 65.000.000 đồng, còn lại số tiền 59.000.000 đồng ông T bài H không chịu trả, vợ chồng ông H đã nhiều lần đến nói chuyện và đề nghị ông T bài H thanh toán số tiền còn lại trên nhưng ông T bài H đều trốn tránh và viện nhiều lý do nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Nay nguyên đơn ông Lường Văn H đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông Trần Trí T bà Ngô Thị H trả một lần cho vợ chồng ông số tiền 59.000.000 đồng, ngoài ra ông H không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn bà Ngô Thị H trình bày:* Vợ chồng bà là chủ phường, cách đây khoảng 04 năm bà M có tham gia cùng, mỗi tháng bà M đóng 12.000.000 đồng trong vòng 15 tháng. Quá trình đóng hội vợ chồng bài H đã trả lãi sòng phẳng và số còn lại hai bên ký nhận là 124.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả được 65.000.000 đồng, nên số tiền phường còn nợ lại là 59.000.000 đồng. Hai bên đã thỏa thuận với nhau bài H lấy được tiền của những người hốt phường trước được tới đâu thì trả đến đó, bởi vì trong quá trình thu và đóng phường nhiều con phường đã hốt phường của bài H mà không đóng trở lại nên bà không có tiền trả cho bà M. Hiện tại gia đình bài H rất khó khăn, bản thân bà đã lớn tuổi, công việc không có nên không có thu nhập ổn định, sống nhờ vào sự trợ cấp của các con. Nay vợ chồng ông H khởi kiện buộc vợ chồng bà trả số tiền nợ phường còn lại 59.000.000 đồng thì bà đồng ý trả nhưng vì điều kiện khó khăn nên bà xin trả dần.

** Bị đơn ông Trần Trí T:* Trong quá trình giải quyết vụ án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không đến làm việc và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, bị đơn ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:* Do có quan hệ hàng xóm giữa vợ chồng bà với vợ chồng ông T bài H. Năm 2019 vợ chồng Thành Hoa có đứng ra làm chủ phường và vợ chồng bà có tham gia 02 chân phường, một chân là 5.000.000 đồng/tháng và một chân là 3.000.000 đồng/tháng. Mỗi lần đóng tiền vợ chồng bà đều giao cho vợ chồng ông T bài H, hôm nào ông T bài H đi vắng không có nhà thì con trai và con dâu đều đứng ra nhận giúp, những lần như vậy đều có ghi chép và ký sổ. Khi kết thúc phường ông T bài H không thanh toán tiền phường đã đóng cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đề nghị nhiều lần thì ông T bài H mới chốt lại khoản tiền phường đã đóng là 124.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ vợ chồng ông T bài H đã trả cho vợ chồng bà nhiều lần với tổng số tiền 65.000.000 đồng, còn lại số tiền 59.000.000 đồng ông T bài H không chịu trả, vợ chồng bà đã nhiều lần đến nói chuyện và đề nghị ông T bài H thanh toán số tiền còn lại trên nhưng ông T bài H đều viện nhiều lý do nhằm trốn tránh trách nhiệm. Nay bà M đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông Trần Trí T bà Ngô Thị H trả số tiền nợ phường còn lại là 59.000.000 đồng, trả một lần cho vợ chồng bà, ngoài ra bà không yêu cầu tính lãi.

** Người làm chứng ông Trần Trí H, bà Viên Thị H và bà Phan Thị T:* Đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng các ông bà không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trình bày vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của những người trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T bài H phải liên đới trả cho vợ chồng ông H số tiền 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp nợ phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Trí T bà Ngô Thị H cư trú tại khu phố Thành Thắng, phường Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Trí T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, bà Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông T bài H.

Đối với ông Trần Trí H, bà Viên Thị H và bà Phan Thị T là con trai và con dâu của ông T bài H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa các ông bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông H, bà H, bà T nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa các ông bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các ông bà trên chỉ tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người làm chứng.

[3]. Về nội dung yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào năm 2019 do có quan hệ hàng xóm với nhau nên giữa vợ chồng ông Lường Văn H bà Nguyễn Thị M có chơi phường do vợ chồng ông Trần Trí T bà Ngô Thị H là chủ phường. Sau khi hết phường thì ông T bài H không thanh toán đầy đủ số tiền phường đã đóng cho ông H bà M. Hai bên thống nhất chốt số tiền nợ phường là 124.000.000 đồng, ông T bài H đã trả được 65.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 59.000.000 đồng đến nay ông T bài H vẫn chưa thanh toán. Nay ông H bà M yêu cầu vợ chồng ông T bài H phải trả số tiền nợ phường 59.000.000 đồng thì bài H cũng thừa nhận còn nợ số tiền trên và có nguyện vọng xin được trả dần. Như vậy các bên đương sự đã thừa nhận được số tiền nợ phường, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Từ những nhận định, căn cứ nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của ông Lường Văn H yêu cầu ông Trần Trí T và bà Ngô Thị H hoàn trả số tiền nợ phường 59.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Lường Văn H bà Nguyễn Thị M không yêu cầu tính lãi.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 18; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lường Văn H.

Buộc bị đơn ông Trần Trí T và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Lường Văn H và bà Nguyễn Thị M số tiền nợ phường 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Lường Văn H bà Nguyễn Thị M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày ông Lường Văn H và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Trí T và bà Ngô Thị H chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng ông T bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trí T và bà Ngô Thị H phải liên đới chịu 2.950.000 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Lường Văn H số tiền 1.475.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013182 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng